TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ S – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ - ST
Ngày 16 /01/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lã Hùng Cường.

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Quang Hòa.

Bà Đào Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Ngọc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên toà: Bà Lã Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/10/2023, về việc Hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐXXST- DS ngày 03/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1978
ĐKHKTT: Số 118, thôn Đ, xã Đ, thị xã S, thành phố Hà Nội.
Hiện trú tại: Tại tổ 38 khu phố 5A, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Chị Vũ Thị Hường, sinh năm 1978
ĐKHKTT: Số 118, thôn Đ, xã Đ, thị xã S, thành phố Hà Nội.
Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Hường có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án, anh D là nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Vũ Thị Hường kết hôn ngày 24/11/1999 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã S. Sau kết hôn được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nặng nề. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng hay bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau

căng thẳng và bất đồng về làm ăn kinh tế thua lỗ. Vợ chồng không thể hàn gắn được. Khi mâu thuẫn diễn ra thì vợ chồng cũng đã cố gắng hòa giải, cũng được gia đình góp ý khuyên bảo và hòa giải nhưng không được và càng trầm trọng thêm, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn với nhau được tám năm nay, ly thân từ tháng 9 năm 2015. Anh hiện tại đang và sinh sống làm ăn tại tỉnh Đồng Nai, lâu mới về thăm con rồi lại đi ngay do điều kiện đi lại và kinh tế khó khăn. Anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên xin được ly hôn.

Về con chung vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày: 11/3/2003; Nguyễn Quang A, sinh ngày: 24/12/2008; Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/12/2008, cháu C đã trưởng thành khỏe mạnh, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần. Hiện tại hai cháu Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A đang ở cùng mẹ tại xã Đ, thị xã S, đang đi học ổn định. Cháu Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A cũng có nguyện vọng tiếp tục được ở cùng mẹ anh đồng ý để hai cháu Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A tiếp tục được ở cùng với mẹ. Hiện tại anh đang làm công nhân nghề tự do thu nhập không ổn định trung bình một tháng chỉ khoảng 8.000.000 đồng trên một tháng phải thuê nhà nhưng vì các con anh tự nguyện cấp dưỡng hai cháu Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A mỗi cháu là từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng trên một tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại Tòa án, bị đơn là Vũ Thị Hường trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn dung như anh D đã trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng quan điểm của chị là vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống và trong làm ăn kinh tế chưa đến mức phải ly hôn. Hiện tại anh D đi làm ăn xa được 7 năm nay thỉnh thoảng mới về rồi lại đi ngay. Khi anh D làm đơn xin ly hôn chị và gia đình cũng có góp ý và khuyên bảo nhưng anh D không đồng ý vẫn xin ly hôn. Nay anh D xin được ly hôn chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung : Chị xác định có 03 con chung với anh D là Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày: 11/3/2003; Nguyễn Quang A, sinh ngày: 24/12/2008; Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/12/2008, cháu C đã trưởng thành khỏe mạnh, hiện tại hai cháu Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A đang ở cùng chị tại xã Đ, thị xã S, đang đi học. Hai cháu Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A có nguyện vọng ở cùng chị không có ý kiến gì và đồng ý theo nguyện vọng của các con.

Anh D có ý kiến là cấp dưỡng nuôi hai con ở mức từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng cho cho cả hai cháu, mỗi cháu từ 2000.000 đến 2.500.000 đồng trên một tháng. Chị có ý kiến là hiện nay chị đang tạm vụ tại trường đại học FPT, thu nhập trung bình một tháng là 4.680.000 đồng/ tháng, chị có chỗ ở ổn định tại số 118, thôn Đ, xã Đ, thị xã S, Hà Nội. Chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 5.000.000 đồng/ một tháng. Khi con ốm đau, anh D cũng có gửi tiền về để chữa trị cho con. Công việc cụ thể

của anh D như thế nào chị cũng không biết. Chị cũng chỉ có ghe mẹ đẻ anh D nói là anh D có bán thịt lợn.

Về nợ chung chị Hường có khai là vợ chồng có nợ 379.000.000 đồng và 05 chỉ vàng. Nhưng chị chỉ nêu ra nợ mục đích là chỉ muốn cho anh D biết là số tiền vay này là trong quá trình chị nuôi con chị phải vay để nuôi con. Anh D đi làm xa không có tiền gửi về, có thời gian mấy năm không về nhà. Về nợ ai, cụ thể như thế nào và các chứng cứ chứng minh vợ chồng có số nợ trên chị Hường không cung cấp giao nộp cho Tòa án, vì chị xác định là không yêu cầu Tòa án giải quyết về vay nợ của chị và của anh D, chỉ nêu ra để anh D biết số nợ này còn không có yêu cầu gì. Về tài sản chung, công sức chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Hường cương quyết xin được đoàn tụ vì con cái và gia đình cho các con có bố mẹ bên cạnh.Nếu ly hôn chị yêu cầu anh D trợ cấp cho mỗi cháu là 5 triệu đồng / 01 tháng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị cho rằng anh D làm gì không biết nhưng nghe người ta nói thu nhập của anh mỗi ngày là 01 triệu đồng, chị cũng không có căn cứ gì xuất trình cho HĐXX. Chị yêu cầu anh D bồi thường tuổi thanh xuân cho chị trong thời gian nhiều năm anh bỏ đi làm ăn không quan tâm gì với vợ con.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành giao các thông báo, triệu tập nguyên đơn, bị đơn và tiến hành hòa giải nhưng không thống nhất được giải quyết vụ án, anh D không đồng ý hòa giải vẫn kiến quyết xin được ly hôn. Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại gia đình mẹ đẻ anh D và tại địa phương nơi anh D, chị Hường sinh sống thì xác định, vợ chồng anh D, chị Hường có mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không đồng cảm chia sẻ với nhau và do làm ăn kinh tế. Hiện tại anh D, chị Hường không ở cùng nhau đã lâu từ khoảng năm 2015 cho đến nay, anh D lâu lâu mới về thăm con nhưng sau đó lại đi ngay. Anh D, chị Hường có 03 con chung như anh D, chị Hường trình bày là đúng, hiện cháu đang ở cùng mẹ và được chăm sóc, sinh hoạt, đi học. Anh D xin ly hôn Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

1. Về việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đương sự:

Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. anh D, chị Hường đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin hôn của anh Nguyễn Văn D, anh D được ly hôn chị Vũ Thị Hường. Về con chung giao cho chị Vũ Thị Hường được trực tiếp nuôi hai cháu Nguyễn Quang A, sinh ngày: 24/12/2008 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/12/2008. Anh D phải cấp dưỡng nuôi 02 cháu, mỗi cháu là 2.500.000 đồng trên một tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Không chấp nhận ý kiến

chị Hường yêu cầu anh D trợ cấp cho 02 cháu mỗi tháng là 5 triệu đồng / 01 cháu. Bác yêu cầu của chị Hường đề nghị anh D bồi thường tuổi xuân cho chị Hường.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung anh D và chị Hường đều xác nhận là không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Anh D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà;

[1] Về pháp luật tố tụng: Tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân nhân dân thị xã S, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Anh Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Anh Nguyễn Văn D có quyền và nghĩa vụ sau khi xét xử theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Vũ Thị Hường kết hôn tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn và thủ tục về kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị Hường là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng anh D và chị Hường là đã diễn ra từ lâu, chị Hường cũng thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng cho rằng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, khi anh D làm đơn xin ly hôn thì chị và gia đình anh D cũng có góp ý và khuyên bảo nhưng anh D vẫn không đồng ý. Anh D cho rằng vợ chồng từ lâu đã bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp cuộc sống vợ chồng thì luôn căng thẳng và bất đồng về làm ăn kinh tế thua lỗ. Đã lâu vợ chồng đã không còn chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên mâu thuẫn càng nặng nề hơn không thể hàn gắn được nữa và không còn tình cảm vợ chồng vì vậy mặc dù được gia đình góp ý, cũng như quá trình giải quyết ly hôn. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hoàn toàn từ tháng 9 năm 2015 cho đến nay anh D thì làm ăn sinh sống tại tỉnh Đồng Nai, chị Hường thì ở tại S, Hà Nội. Anh D lâu mới về thăm con nhưng sau đó lại đi ngay không ở cùng chị Hường. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại gia đình và tại địa phương của anh D chị Hường, thì cũng xác định anh D chị Hường có mâu thuẫn, anh D thì không ở cùng chị Hường, gia đình cũng có góp ý khuyên bảo hàn gắn vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vẫn còn nên anh D làm đơn xin ly hôn. Tòa án cũng đã tiến hành tiến hành hòa giải nhưng anh D không đồng ý hòa giải vẫn kiên quyết xin ly hôn. Anh D chị Hường cũng không có phương hướng cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng và về chung sống cùng nhau.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh D và chị Hường đã đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D.

[3]Về con chung: Anh D và chị Hường có 03 con chung là Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày: 11/3/2003; Nguyễn Quang A, sinh ngày: 24/12/2008 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/12/2008, cháu C đã trưởng thành không bị hiếm khuyết về thể chất và tinh thần, nên không đặt ra việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu C.

Hội đồng xét xử xác định hiện tại 02 cháu Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A, đang ở cùng chị Hường, chị Hường có nguyện vọng được nuôi hai con. Vì vậy giao cháu Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A cho chị Hường được trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình, và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A là được ở với mẹ. Chị Hường có yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu là 5.000.000 đồng trên một tháng, anh D chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con mỗi cháu từ 2000.000 đến 2.500.000 đồng trên một tháng, vì hiện tại anh đang làm công nhân nghề tự do thu nhập không ổn định trung bình một tháng chỉ khoảng 8.000.000 đồng trên một tháng và phải thuê nhà, lo chi phí cuộc sống cá nhân, nhưng vì các con anh tự nguyện cố gắng cấp dưỡng nuôi hai cháu mỗi cháu là từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng trên một tháng.

Hội đồng xét xử nhận thấy anh D anh đang làm công nhân nghề tự do thu nhập không ổn định trung bình như anh D khai chỉ khoảng 8.000.000 đồng trên một tháng phải thuê nhà và lo chi phí cuộc sống cá nhân. Hơn nữa chị hiện cũng đang làm tạm vụ tại trường đại học FPT, thu nhập trung bình như chị Hường khai là một tháng là 4.680.000 đồng/ tháng, và chị Hường có chỗ ở ổn định nuôi hai con. Chị Hường cũng khai khi con ốm đau, anh D cũng có gửi tiền về để chữa trị cho con. Xét thấy mức cấp dưỡng mà chị Hường yêu cầu là mỗi cháu là 5.000.000 đồng trên một tháng là không phù hợp so với điều kiện, hoàn cảnh và thu nhập của anh D. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng là mỗi cháu là 2.500.000 đồng trên một tháng, cả hai cháu là 5.000.000 đồng.

Bác yêu cầu của chị Hường đề nghị anh D bồi thường tuổi xuân cho chị Hường.

[4]Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh D và chị Hường đều xác nhận là không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về án phí: Anh D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn D được ly hôn chị Vũ Thị Hường.

2. Về con chung: Anh D và chị Hường có 03 (ba) con chung là Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày: 11/3/2003; Nguyễn Quang A, sinh ngày: 24/12/2008 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/12/2008, cháu C đã trưởng thành trên 18 tuổi, không bị hiếm khuyết về thể chất và tinh thần, nên không đặt ra việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu C.

Giao cho chị Vũ Thị Hường được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Quang A, sinh ngày: 24/12/2008 và Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/12/2008, đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn D được quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi 02 con Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A mỗi cháu là 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) trên một tháng, hai cháu là 5.000.000 đồng trên một tháng, kể từ tháng 02/2024 cho đến khi cháu Nguyễn Quang A và Nguyễn Nhật A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3./ Bác yêu cầu của chị Hường về anh D bồi thường tuổi xuân cho chị Hường.

4./ Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5./ Về án phí: Anh Nguyễn Văn D phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn D đã nộp tại biên lai thu số 0000767 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Văn D còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn D, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày từ ngày nhận được bản án hợp lệ. Chị Vũ Thị Hường có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-Các đương sự.
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TX S;
- Chi cục THADS TX S;
- UBND Nơi ĐKHK, ĐKKH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lã Hùng Cường